



CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA:
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

CROP AND LIVESTOCK STRUCTURE TRANSFORMATION ON PADDY LAND:
ISSUES ARISING IN THE MEKONG DELTA REGION

Trần Thị Thu Hương*

Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.43.1042>

*Email: huongciem@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/05/2026

Ngày phản biện: 14/05/2026

Ngày duyệt bài: 01/06/2026

TÓM TẮT

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán và yêu cầu ngày càng cao của thị trường, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) diễn ra mạnh mẽ. Bài viết tập trung phân tích thực trạng, xu hướng chuyển đổi và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn, từ đó đề xuất các định hướng chính sách cho vùng này. Bài viết sử dụng phương pháp định tính kết hợp phân tích tổng hợp và so sánh, dựa trên các số liệu thống kê và tài liệu chính thức từ các cơ quan quản lý nhà nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng chủ đạo là chuyển từ sản xuất lúa độc canh sang mô hình luân canh, xen canh hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản nhằm gia tăng giá trị kinh tế và thích ứng với điều kiện tự nhiên có nhiều biến đổi. Đồng thời, sản xuất lúa cũng đang chuyển dần sang hướng chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, bài viết cũng chỉ ra nhiều bất cập như chuyển đổi còn mang tính tự phát, sản xuất manh mún, thiếu liên kết và chưa gắn chặt với quy hoạch. Một số mô hình phát triển quá nhanh dẫn đến dư thừa nguồn cung, gây rủi ro cho nông dân và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Từ những kết quả trên, bài viết khẳng định vai trò “kiến tạo và điều phối” của Nhà nước trong việc thúc đẩy chuyển đổi một cách bền vững. Những gợi ý chính sách trong bài viết không chỉ có ý nghĩa đối với vùng ĐBSCL mà còn cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho chiến lược tái cơ cấu nông nghiệp và quản lý sử dụng đất trồng lúa ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đất trồng lúa, vùng Đồng bằng sông Cửu Long

ABSTRACT:

In the context of climate change, saltwater intrusion, drought, and increasingly stringent market demands, the transformation of crop and livestock structures on paddy land in the Mekong Delta region is occurring at a rapid pace. This study focuses on analyzing the current situation, transformation trends, and practical challenges, thereby proposing policy orientations for the region. The study employs a qualitative research approach combined with synthesis and comparative analysis, based on statistical data and official documents from state management agencies. The findings indicate that the dominant trend is the shift from monoculture rice production toward crop rotation, intercropping, or integrated rice-aquaculture systems, aiming to enhance economic value while adapting to changing natural conditions. At the same time, rice production is gradually transitioning toward higher-quality output to meet export market requirements. However, the study also highlights several shortcomings, including spontaneous and uncoordinated conversion practices, fragmented production, weak linkages, and insufficient alignment with planning frameworks. In some cases, overly rapid expansion of certain production models has led to over-supply, posing risks to farmers' incomes and negatively affecting ecological sustainability. Based on these findings, the article emphasizes the “facilitating and coordinating” role of the State in promoting a more sustainable transformation process. The policy recommendations presented are not only relevant to the Mekong Delta but also provide important reference foundations for agricultural restructuring strategies and paddy land use management in Vietnam in the coming period.

Keywords: crop and livestock structure transformation; paddy land, Mekong Delta region.

MỞ ĐẦU

Gạo Việt Nam không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn được xuất khẩu sang nhiều thị trường quốc tế. Việt Nam trở thành một trong ba quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 15% tổng lượng gạo xuất khẩu toàn cầu (Hương, 2024). Thương hiệu gạo Việt Nam đã và vẫn tiếp tục được khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế và đồng thời cam kết đóng góp cho an ninh lương thực toàn cầu. Thành công này nhờ sự đóng góp rất lớn từ vùng ĐBSCL.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích tự nhiên là 36.426,97 km², chiếm khoảng 11% tổng diện tích cả nước, gồm: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang và Cà Mau. Đây là vùng có vai trò đầu tàu trong phát triển nông nghiệp của cả nước. Vùng không những được ví như vựa lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn có nhiều lợi thế về sản xuất rau quả và thủy sản lớn nhất của cả nước. Vùng cung cấp trên 50% sản lượng lúa quốc gia, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% sản lượng các loại trái cây xuất khẩu (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2025); và đặc biệt đóng góp lớn nhất cả nước với 90% sản lượng gạo, 95% sản lượng tôm và 70% sản lượng cá nuôi xuất khẩu của Việt Nam (Bộ Tài chính, 2025).

Với chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, Nhà nước đặt mục tiêu phải bảo vệ đất trồng lúa, hạn chế chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác nếu không thật sự cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, thời gian qua, đề thích ứng với biến đổi khí hậu, nhu cầu thị trường, cũng như các yếu tố khác, nhiều mô hình sản xuất trên đất trồng lúa được các nông hộ chủ động áp dụng với kỳ vọng đảm bảo cải thiện nguồn thu nhập gia đình. Do vậy, hàng năm quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa ở vùng ĐBSCL diễn ra khá mạnh. Đặc biệt, việc tự ý đào ao nuôi cá, tôm nước mặn, nước lợ trên đất trồng lúa đã gây ra hậu quả đất đai bị nhiễm mặn, không thể canh tác được và tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Trong khi nhiều bài viết tập trung xem xét lợi ích của việc chuyển đổi hay phân tích các nhân tố tác động đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa, bài viết này sẽ tìm hiểu tình trạng và xu hướng chuyển đổi thời gian qua

ở vùng ĐBSCL, đồng thời nhận diện những vấn đề đang đặt ra cần lưu ý để việc chuyển đổi mang tính bền vững hơn. Việc nhận diện những vấn đề này là hết sức cần thiết để đảm bảo việc thiết kế chính sách phát triển nông nghiệp phù hợp và quản lý sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững.

1. Một số vấn đề về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

Nội hàm chuyển đổi cơ cấu

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp là sự thay đổi cơ cấu ngành trong khu vực nông nghiệp. Đặc trưng chủ yếu của quá trình chuyển đổi này không cố định mà luôn vận động, biến đổi. Xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và các thể chế ở mỗi nơi và mỗi giai đoạn cụ thể (Doanh, 2006). Theo Todaro (1982), sự phát triển của kinh tế nông nghiệp trải qua 03 giai đoạn: (i) giai đoạn đầu, sản xuất tự cấp, độc canh, tập trung vào một hay hai cây lương thực, chủ yếu với cư dân Đông Nam Á là lúa gạo; (ii) giai đoạn tiếp theo, chuyển sang canh tác đa dạng và đa canh, ngoài cây lương thực còn có thêm rau, quả, cây hàng hoá, chăn nuôi; và (iii) giai đoạn 3, chuyển sang chuyên môn hoá vào một số nông sản chính, đầu tư tăng năng suất, lấy lợi nhuận làm mục tiêu. Như vậy, có thể thấy các nước có lực lượng lao động trong nông nghiệp cao và có mức đóng góp của nông nghiệp vào GDP khiêm tốn đang chuyển từ giai đoạn 2 sang giai đoạn 3, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa là tất yếu, khách quan, phù hợp với sự vận động của thực tiễn.

Ở Việt Nam, theo khoản 4 Điều 3 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa đã đưa ra quy định về nội hàm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa, đó là: *“hình thức chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hằng năm; trồng lúa sang trồng cây lâu năm; trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản”*. Cũng tại Nghị định này, *đất trồng lúa cũng được xác định là “đất trồng từ một vụ lúa trở lên hoặc trồng lúa kết hợp với các mục đích sử dụng đất khác được pháp luật cho phép nhưng trồng lúa là chính, đất trồng lúa bao gồm đất chuyên trồng lúa và đất trồng lúa còn lại”* (khoản 1 Điều 3).

Tính tất yếu của quá trình chuyển đổi

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa (gọi tắt là chuyển đổi) là một thực tế tất yếu và diễn ra ở nhiều nước trên thế giới trong quá trình phát triển kinh tế (Skog & Steinnes, 2016; Huang et al., 2023). Quá trình chuyển đổi ngày càng gia tăng tại các quốc gia, khu vực hay địa điểm, trong đó có vùng ĐBSCL do có sự gia tăng về dân số, gia tăng về hiện tượng thời tiết cực đoan (đặc biệt là xâm nhập mặn, hạn hán, thiếu nước ngọt), xói mòn dinh dưỡng đất,... Bên cạnh đó, lượng gạo tiêu dùng trong bữa ăn gia đình có xu hướng giảm xuống, trong đó giảm mạnh ở những gia đình có điều kiện kinh tế càng phát triển; cùng với đó là việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nông nghiệp khác ở nhiều nơi đã và đang phát huy được kết quả tích cực, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và thu nhập cho các hộ nông dân. Điều này khiến cho việc chuyển đổi ngày càng tăng.

Diện tích đất trồng lúa chiếm hơn 12% diện tích đất trồng trọt toàn cầu (Tubiello et al., 2013) và có xu hướng thay đổi khác nhau giữa các khu vực. Nhiều quốc gia châu Á, vốn là trung tâm sản xuất lúa gạo toàn cầu, đang chứng kiến sự suy giảm diện tích đất trồng lúa. Tại Indonesia, theo ước tính, diện tích đất trồng lúa ở hai “vựa lúa” Java và Sumatra đã giảm 2,4% trong giai đoạn 2010-2017 (Harjanti & Hara, 2020). Nhật Bản cũng ghi nhận sự gia tăng đất lúa bị bỏ hoang, ảnh hưởng đến an ninh lương thực và đa dạng sinh học (Koshida & Katayama, 2018). Trung Quốc, dù là nhà sản xuất lúa gạo lớn nhất, cũng đã chuyển đổi nhiều ruộng lúa sang đất khô để trồng ngô và các loại cây thương mại khác vào đầu những năm 2000 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường (Yuan et al., 2018). Nghiên cứu của Bouman et al. (2007) đã chỉ ra rằng, có khoảng 1/4 đến 1/3 nguồn nước ngọt trên thế giới được sử dụng vào việc trồng lúa vì sản xuất 01 kg thóc cần khoảng 2.500 lít nước. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và xói mòn dinh dưỡng trong đất, một số quốc gia, đặc biệt là các nước Châu Á đã có các chiến lược chuyển đổi.

Các mô hình và lợi ích của việc chuyển đổi

Trên thế giới và ở Việt Nam, hiện có nhiều mô hình chuyển đổi, trong đó có các mô hình chủ yếu là:

- Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm như: ngô, rau các loại, sen, lạc, dưa, mía, đậu, rau,...

- Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm như: chè, chuối, cam, bưởi, ổi, táo, xoài, nhãn, sầu riêng, dừa,...

- Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp chăn nuôi.

- Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản (lúa-tôm, cá, ếch,...) hay 01 vụ lúa và 01 vụ thủy sản.

Mô hình chuyển đổi ở nhiều quốc gia đã tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đa dạng cho thế giới. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi cũng mang lại một số lợi ích khác như: tăng thu nhập, đa dạng sinh kế cho các nông hộ; hạn chế mầm bệnh; cải thiện độ phì nhiêu của đất; tạo ra các mô hình kinh tế tuần hoàn;.... Chẳng hạn, báo cáo của World Bank (2022) về nông nghiệp xanh ở Việt Nam chỉ ra rằng, theo số liệu VHLSS năm 2018, thu nhập ròng bình quân của hộ nông dân trên một ha mỗi chu kỳ trồng lúa là 8,763 triệu đồng trong khi cây lâu năm là 11,688 triệu đồng, chăn nuôi là 29,273 triệu đồng và 20,860 triệu đồng cho đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu của Đan (2017), tiến hành điều tra 960 nông hộ ở 06 tỉnh/thành phố (cũ) đại diện cho 03 khu vực là ngọt và ngọt hóa, lợ, mặn (gồm: Tiền Giang, Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang và Cà Mau) để đánh giá tình hình sử dụng và hiệu quả của các loại hình và kiểu sử dụng đất. Kết quả nghiên cứu cho thấy loại hình kết hợp lúa + thủy sản cho hiệu quả cao nhất (bình quân 46,4 triệu đồng/ha) và loại hình sử dụng đất 1 vụ lúa cho hiệu quả kinh tế thấp nhất (16,8 triệu đồng/ha vụ Đông Xuân). Huân (2012) đã đưa ra nhận định về hiệu quả kinh tế của mô hình 03 vụ lúa và mô hình lúa - đậu nành - lúa ở tỉnh Hậu Giang, theo đó có sự chênh lệch lợi nhuận từ chuyển đổi lúa Xuân Hè sang đậu nành là từ 10,843 triệu đồng/ha đến 15,796 triệu đồng/ha; và mô hình 03 vụ lúa cho lợi nhuận đất hơn 50 triệu đồng/ha, trong khi mô hình lúa - bắp lai (giống DK388) - lúa cho lợi nhuận đạt hơn 69,9 triệu đồng/ha. Không chỉ xem xét hiệu quả kinh tế giữa các mô hình, gần đây, Huyền và Dũng (2026) đã tiến hành điều tra 200 nông hộ sản xuất nông nghiệp thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi

và nuôi trồng thủy sản tại 3 huyện/thị xã của tỉnh Sóc Trăng (cũ). Nghiên cứu này chỉ ra rằng, tỷ lệ số hộ áp dụng mô hình sản xuất hỗn hợp (trồng trọt - chăn nuôi) ứng dụng nông nghiệp tuần hoàn cao hơn những hộ sản xuất theo hướng chuyên canh (trồng trọt hoặc chăn nuôi). Bởi mô hình sản xuất hỗn hợp giúp các hộ tận dụng phụ phẩm như: rơm và thân cây cho bò, trâu ăn sau đó dùng phân bón lại cây trồng, rơm rạ làm thức ăn hoặc giá thể nuôi trùn quế, bùn đáy ao tôm làm phân cải tạo đất trồng trọt. Tại Phường An Bình B và thành phố Hồng Ngự (tỉnh Đồng Tháp cũ) cho thấy việc tham gia trồng đậu vừa giúp cắt đứt mầm bệnh sau các vụ lúa, đồng thời vừa cải tạo đất cung cấp lại nguồn đạm thông qua rễ cây đậu mang lại (việc trồng đậu đã cung cấp rất nhiều phân đạm dễ tiêu cho cây thông qua nốt sần dưới rễ đậu). Đậu nành có thời gian sinh trưởng chỉ 70 ngày thay vì 105 ngày như lúa, do đó đất có thời gian nghỉ hơn 1 tháng để cắt đứt mầm bệnh, sâu bệnh hại còn sót lại trên ruộng (Tùng & Trường, 2023).

2. Phương pháp nghiên cứu và nguồn dữ liệu

Để xem xét xu hướng chuyển đổi, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp và so sánh để có góc nhìn đa chiều, xem xét thực trạng và xu hướng chuyển đổi, cũng như nhận diện những hạn chế của chuyển đổi ở vùng ĐBSCL. Bên cạnh đó, nguồn dữ liệu sử dụng trong bài viết là các tài liệu nghiên cứu chính thống, các số liệu mô tả thống kê từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các văn bản quy hoạch.

3. Kết quả nghiên cứu

Đánh giá thực trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

Kinh tế nông nghiệp là ngành chủ lực ở vùng ĐBSCL bởi đây là ngành tạo ra sinh kế của hơn 50% dân cư của vùng và chiếm khoảng 78,62% diện tích tự nhiên của vùng. Vùng đặt mục tiêu đến năm 2030 “trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới” (theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 616/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 phê

duyet điều chỉnh quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050). Đồng thời, theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ tiêu chí quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất vùng ĐBSCL năm 2030 đạt hơn 1,46 triệu ha đất trồng lúa, trong đó đất chuyên trồng lúa nước là hơn 1,31 triệu ha. Như vậy, so với chỉ tiêu sử dụng đất tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, thì diện tích đất trồng lúa giữ ổn định của vùng ĐBSCL chiếm tương ứng khoảng 39,92% và 40,94% tổng diện tích đất trồng lúa của cả nước năm 2025 và 2030.

Hiện nay, tại vùng ĐBSCL, diện tích đất lúa chuyên canh tập trung nhiều ở một số khu vực đất phù sa, đất phèn hoặc có hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh thuộc tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang và thành phố Cần Thơ. Theo số liệu của các tỉnh gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật), trong giai đoạn 2017-2023 cả nước chuyển đổi được 1.121.620,07 ha đất trồng lúa sang trồng cây nông nghiệp khác, trong đó cây hàng năm chiếm 67,9%, cây lâu năm chiếm 17,8%, và kết hợp nuôi trồng thủy sản chiếm 14,3%. Riêng vùng ĐBSCL đã có 663.279,72 ha đất trồng lúa được chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác (tương đương 59,1% tổng diện tích đất chuyển đổi của cả nước), trong đó cây hàng năm chiếm 65,74%, cây lâu năm chiếm 18,25% và nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa chiếm 16,01%. Điểm khác biệt của các tỉnh/thành vùng ĐBSCL so với nhiều tỉnh/thành của cả nước là toàn vùng thực tế không ghi nhận tình trạng trả đất hay bỏ đất trồng lúa không sản xuất.

Xu hướng chuyển đổi

Thứ nhất, việc chuyển đổi diễn ra ở hầu hết các địa phương trong vùng, tuy nhiên mức độ chuyển đổi ở các địa phương khá khác nhau, và thậm chí trong cùng một địa phương, việc chuyển đổi cũng thay đổi theo từng năm. Chẳng hạn, theo số liệu của các tỉnh gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ

thực vật), trong giai đoạn 2020-2024, Vĩnh Long (cũ) là địa phương có diện tích đất trồng lúa chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác lớn nhất (chiếm tới 35,5% tổng diện tích đất chuyển đổi của vùng ĐBSCL), và Bạc Liêu (cũ) là địa phương có diện tích chuyển đổi nhỏ nhất (chỉ chiếm 0,066%). Nếu xem xét các địa phương sau sáp nhập, thì trong giai đoạn 2020-2024, Vĩnh Long (mới) vẫn là địa phương có đất trồng lúa chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác lớn nhất (chiếm tới 44,96% tổng diện tích đất chuyển đổi của vùng ĐBSCL), và Cà Mau

(mới) là địa phương có diện tích chuyển đổi nhỏ nhất (chỉ chiếm 0,54%). Nhìn chung, diện tích đất trồng lúa của các hộ dân ở vùng ĐBSCL (mới) đang có xu hướng giảm liên tục trong các năm, với tổng mức giảm trong giai đoạn 2020-2024 là hơn 336,63 nghìn ha. Tỷ trọng đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa trong tổng diện tích đất trồng lúa được chuyển đổi tương ứng là 64,99%; 19,23%; 15,78%.

Bảng 1. Kết quả chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích nông nghiệp khác của các địa phương vùng ĐBSCL (mới) từ 2020-2024

Địa phương	2020	2021	2022	2023	2024	Giai đoạn 2020-2024
Cần Thơ	16.109,11	10.483,3	6.959,8	9.412,0	8.352,1	51.316,3
Vĩnh Long	24.132,3	32.080,3	35.063,0	34.685,7	28.487,9	154.449,4
Đồng Tháp	14.702,9	15.619,6	13.806,9	16.185,0	12.873,2	73.187,6
An Giang	6.817,8	8.599,8	9.104,6	12.548,3	16.894,5	53.965,0
Cà Mau	142,0	1.180,7	1.985,8	101,62	309,6	3.719,7
Tổng	61.904,1	67.963,7	66.920,2	72.932,7	66.917,3	336.638,0

(Nguồn: Theo số liệu của các tỉnh gửi báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Trồng trọt) năm 2020-2024)

Thứ hai, xu hướng chuyển đổi từ trồng lúa độc canh sang mô hình luân canh hoặc hỗn hợp diễn ra ở tất cả địa phương trong vùng ĐBSCL. Việc chuyển đổi sang cây ăn trái và rau màu diễn ra mạnh hơn tại các vùng nước ngọt hoặc vùng trung tâm, và chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản là xu hướng diễn ra mạnh mẽ ở các vùng ven biển chịu tác động của xâm nhập mặn. Các mô hình chuyển đổi, đặc biệt là mô hình sản xuất luân canh lúa và cây hàng năm cho thấy hiệu quả của việc chuyển đổi trên đất trồng lúa không chỉ giúp nâng cao thu nhập cho các nông hộ mà còn hỗ trợ cải tạo đất, cải thiện độ phì nhiêu của đất từ đó nâng cao năng suất lúa.

Thứ ba, việc chuyển đổi từng bước theo hướng giúp nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất lúa thông qua chuyển đổi từ sản xuất lúa thường sang lúa chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu đòi hỏi cao về chất lượng, an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn giám phát thải. Hầu hết các địa phương vùng ĐBSCL đều chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể trên địa bàn tỉnh/thành phố mình liên

quan tới Đề án “phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 27/11/2023. Điểm nổi bật trong kết quả thực hiện Đề án 02 năm qua (2024-2025) cho thấy quy mô diện tích áp dụng canh tác bền vững đạt 354.839 ha (tương ứng tỷ lệ 197% so với mục tiêu đề ra trong giai đoạn 1 của Đề án), đã có 100% sử dụng giống chất lượng cao; giảm lượng giống gieo sạ từ 30-50%, giảm gần 30% lượng phân đạm và giảm 2-3 lần phun thuốc bảo vệ thực vật (BVTV); giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống; 100% diện tích áp dụng ít nhất một tiêu chí trong quy trình canh tác bền vững như “1 Phải-5 Giảm” hoặc rút nước ít 01 lần; áp dụng các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận VietGAP cho 7.493 ha; chứng nhận hữu cơ là 246 ha và đủ điều kiện ATTP là 5.659 ha (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026). Về tổng thể, việc áp dụng mô hình mới giúp chi phí giảm từ 5-13% so với mô hình truyền thống (tùy vào vụ sản xuất). Tổng diện tích lúa đạt tiêu chuẩn và được cấp nhãn hiệu “Gạo Việt xanh phát thải thấp” hiện là 18.086,39 ha, và

đã có 500 tấn gạo mang nhãn hiệu “Gạo Việt xanh phát thải thấp” xuất sang Nhật Bản. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng thương hiệu quốc gia gắn với giảm phát thải và từng bước hình thành chuỗi giá trị lúa gạo carbon thấp.

Thứ tư, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa diễn ra khá tự phát, chưa theo kế hoạch chuyển đổi hàng năm do tỉnh/thành phố đề ra nên gây khó khăn trong công tác quản lý. Hiện tượng này diễn ra ở hầu hết các địa phương vùng ĐBSCL. Thậm chí, ở trong cùng một tỉnh, có địa phương có mức chuyển đổi vượt kế hoạch nhưng có địa phương có mức chuyển đổi so với kế hoạch rất thấp. Bên cạnh đó, diện tích chuyển đổi còn riêng lẻ, manh mún, không tập trung, và chủ yếu thực hiện linh hoạt theo năm, theo vụ. Nguyên nhân của hiện tượng trên có thể do việc chuyển đổi hứa hẹn giúp nông hộ cải thiện thu nhập, có nhiều trường hợp nơi quy hoạch trên giấy tờ là đất lúa nhưng thực tế nơi đó canh tác lúa không còn hiệu quả, tâm lý “không nở làm khó” của chính quyền địa phương cũng khiến cho chế tài xử phạt chưa cao, và việc quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất chưa đồng bộ, cụ thể hoặc công tác tổ chức thực hiện, phổ biến và hướng dẫn người dân còn hạn chế. Việc định hướng vùng sản xuất, hỗ trợ thông tin thị trường hay bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các nông hộ chưa hiệu quả. Do vậy, các nông hộ trong nhiều trường hợp không biết nên trồng cây gì, nuôi con gì phù hợp với điều kiện tự nhiên trên mảnh đất của mình nên các hộ tự lựa chọn mô hình sản xuất theo tín hiệu thị trường trong ngắn hạn.

Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, do diện tích chuyển đổi còn nhỏ lẻ, độ cao không đồng đều cùng với hạ tầng giao thông nội đồng yếu kém nên hạn chế trong liên kết hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, dẫn đến việc liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản xuất còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, diện tích manh mún, nhỏ lẻ khiến việc áp dụng máy móc, ứng dụng khoa học - công nghệ hạn chế, do vậy, công việc sản xuất nông nghiệp trở nên nặng nhọc hơn, đặc biệt là khi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đòi hỏi quy trình an toàn, kỹ thuật khắt khe hơn. Ngoài ra, Tuyen và Huong (2021) chỉ ra rằng đã có một số nghiên cứu nêu lên những tác động tiêu cực của phân mảnh đất đai sản xuất

nông nghiệp đối với năng suất, lợi nhuận và thu nhập của hộ nông dân. Cụ thể hơn, khi xem xét tính kinh tế theo quy mô trang trại trồng lúa ở An Giang, Hương (2008, trích dẫn bởi Hương, 2024) chỉ ra rằng: (i) trang trại có diện tích càng lớn thì vốn đầu tư trung bình trên một ha đất sản xuất càng giảm; và (ii) trang trại có nhóm quy mô sản xuất từ 5-6 ha thì có hiệu quả nhất. Trong khi đó, quy mô sử dụng đất canh tác bình quân một nông hộ ở vùng ĐBSCL là 0,4 ha (Hoa, 2026).

Thứ hai, việc chuyển đổi mặc dù được đánh giá về mặt tổng thể mang lại hiệu quả cao hơn, đặc biệt là hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, do chuyển đổi mang tính tự phát dựa theo quyết định riêng lẻ của từng nông hộ, không theo quy hoạch nên dẫn đến tình trạng phát triển quá nhanh diện tích nuôi trồng, trong khi thị trường tiêu thụ chủ yếu nội địa, khiến cho cung vượt cầu và hệ lụy và nhiều nông hộ bị thua lỗ nặng. Tình trạng điệp khúc giá nông sản “nhảy múa” thất thường vẫn diễn ra ở vùng ĐBSCL và điều này khiến cho người làm nông luôn trong tâm trạng “vừa mừng, vừa lo”, nên sản xuất khó trở nên bền vững. Việc chuyển đổi tự phát của một số nông hộ cũng đặt ra nghịch lý, đó là mỗi cây của cùng một loài tạo ra các loài vi sinh vật khác nhau, các loại sâu bọ ăn cây khác nhau và môi trường sống khác nhau; và khi các nông hộ trồng xen canh (như hộ trồng lúa, hộ bên cạnh trồng hoa màu hoặc cây ăn trái) đã làm sâu bệnh hại từ lúa lan sang hoa màu, trái cây và ngược lại. Hay phương thức chăm sóc (tưới tiêu hay sử dụng thuốc BVTV) giữa các loài cây khác nhau cũng gây ảnh hưởng lớn đến các nông hộ trồng xen canh. Bên cạnh đó, do các loại cây trồng khác nhau (nhất là cây lúa và cây ăn quả) cần lượng nước khác nhau hay thời điểm sâu bệnh khác nhau nên nếu trồng xen canh sẽ khiến cho chính quyền địa phương gặp khó khăn trong điều hành thủy lợi cũng như phòng chống dịch bệnh. Hay hệ thống giao thông nội đồng phục vụ việc đưa máy móc cơ giới hóa cho trồng lúa và cây ăn quả là khác nhau nên chính quyền địa phương thường gặp khó khăn trong quyết định đầu tư mới, hay nâng cấp, sửa chữa hạ tầng để tối ưu hóa sản xuất. Ngoài ra, việc trồng xen canh, chuyển đổi tự phát cũng gây khó khăn cho công tác kiểm soát các vấn đề liên quan tới vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đăng ký mã vùng trồng,...

Thứ ba, việc chuyển đổi vừa không tập trung và chủ yếu thực hiện linh hoạt theo năm, theo vụ nên ít liên kết hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường dẫn đến khó khăn trong liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản xuất. Bên cạnh đó, nhiều nông hộ còn quen với phương thức canh tác truyền thống từ lâu đời và hoạt động sản xuất độc lập, thiếu liên kết. Việc triển khai mô hình canh tác bền vững còn chậm do một bộ phận nông dân có tâm lý e ngại khi giảm giống và giảm phân bón so với tập quán. Theo tiêu chuẩn canh tác bền vững tại Quyết định số 1490/QĐ-TTg, lượng lúa giống gieo sạ khoảng từ 80-100 kg/ha và phân bón hóa học và thuốc BVTV có nguồn gốc hóa học giảm 20%; tuy nhiên, thực tiễn nhiều hộ nông dân vẫn gieo sạ ở mức 110-130 kg/ha với tâm lý muốn đảm bảo giữ năng suất lúa, và kéo theo đó là tăng lượng phân bón, hóa chất.

Thứ tư, việc chuyển đổi sản xuất nông nghiệp bền vững chưa gắn với vấn đề sống còn là tăng cường liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp. Hiện tượng “bẻ kèo” hay phá vỡ hợp đồng giữa các bên tham gia vẫn chưa được giải quyết do hiệu lực hợp đồng chưa được đảm bảo. Xung đột lợi ích giữa các bên luôn luôn tiềm ẩn, chưa có sự dung hòa và xây dựng niềm tin giữa các bên. Mai và ctv. (2021) trong nghiên cứu nhằm xác định các lý do nông hộ không tham gia hoặc bỏ hợp đồng ở Việt Nam đã chỉ ra rằng các thỏa thuận hợp đồng không thành công lên tới 70-80%. Riêng về vùng ĐBSCL, theo Hung và ctv. (2019), chỉ có 11% diện tích đất trồng lúa được sử dụng cho canh tác theo hợp đồng, nhưng đã ghi nhận có những trường hợp vi phạm đơn phương hợp đồng từ cả hai phía. Cả 02 nghiên cứu đều đưa ra lý do của sự thất bại hợp đồng, đó là: (i) nông dân e ngại bị hạn chế quyền tự do ra quyết định, quen với các phương thức sản xuất cũ, sợ thay đổi, thậm chí không đồng ý gieo cùng một loại hạt giống, yêu cầu khắt khe về nguyên liệu đầu vào và chất lượng đầu ra. Ngoài ra, bán gạo cho thương lái có một số lợi ích rõ ràng như giá cả linh hoạt, xác định giá nhanh, cân nhanh và thanh toán ngay lập tức nên một bộ phận nông hộ thích lựa chọn phương thức này; và (ii) một bộ phận doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khi có sự biến động bất ngờ của thị trường

vào cuối mùa vụ; nông dân đã chứng kiến sự mất uy tín của doanh nghiệp thu mua trong các vụ mùa trước hoặc khu vực xung quanh khi họ vi phạm các điều khoản hợp đồng như chậm thanh toán; chậm giao hàng; chậm thu hoạch hoặc kéo dài thời gian thu hoạch. Bên cạnh đó, một bộ phận nông dân cho rằng giá nguyên liệu đầu vào do doanh nghiệp cung cấp khá cao.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ GỢI Ý

Nhìn tổng thể, quá trình chuyển cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa ở vùng ĐBSCL thời gian qua đã phản ánh rõ nỗ lực thích ứng của nông dân trước sức ép biến đổi khí hậu, gia tăng giá trị sản xuất, cải thiện sinh kế cũng như đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tuy nhiên, phía sau những kết quả tích cực ấy vẫn tồn tại một số vấn đề mang tính cấu trúc khiến cho quá trình chuyển đổi hiện nay vẫn chưa thực sự bền vững, và để khắc phục những vấn đề này, vai trò của Nhà nước cần được phát huy mạnh mẽ hơn nữa. Theo đó:

Thứ nhất, cần tăng cường vai trò trung gian kiến tạo niềm tin trong liên kết chuỗi giá trị thông qua cơ chế bảo đảm thực thi hợp đồng, minh bạch thông tin thị trường và hỗ trợ chia sẻ rủi ro giữa các bên tham gia chuỗi là doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ. Sự thất bại của các mô hình hợp đồng ở vùng ĐBSCL không đơn thuần là vấn đề pháp lý mà còn phản ánh sự thiếu tin tưởng giữa các bên, thiếu chia sẻ, hài hòa lợi ích cũng như rủi ro giữa các bên. Vì vậy, để đảm bảo các hợp đồng liên kết chuỗi triển khai một cách bền vững, nhà nước cần ban hành một số cơ chế, chính sách như: hỗ trợ tín dụng cho những chuỗi thực hiện đúng cam kết trong ít nhất vài vụ liên tiếp; hỗ trợ rủi ro khi có thiên tai, bệnh dịch và biến động giảm giá quá mạnh so với hợp đồng;...

Thứ hai, cần rà soát, cập nhật và xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về đất đai, cây trồng, vật nuôi và hiện trạng chuyển đổi để phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất, quản lý, dự báo và giám sát. Việc chuyển đổi cần được định hướng theo vùng sản xuất tập trung (như: vùng lúa chất lượng cao, vùng cây ăn trái, vùng nuôi trồng thủy sản,...) và được giám sát chặt chẽ hơn, tăng cường xử phạt để giảm thiểu chuyển đổi tự phát, chuyển đổi không theo kế hoạch. Đồng thời, giữa các cấp địa

phương cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ nhằm điều tiết sản xuất để hạn chế tình trạng phát triển nóng một số loại cây trồng, vật nuôi dẫn đến dư thừa nguồn cung và rủi ro thị trường.

Thứ ba, cần tăng cường định hướng thị trường và cung cấp thông tin kịp thời, thậm chí công khai thông tin theo thời gian thực về nhu cầu tiêu thụ sản phẩm (trong đó có xu hướng xuất khẩu với từng ngành, sản phẩm), giá cả, các tiêu chuẩn kỹ thuật về sản xuất và tiêu dùng,... để hạn chế tình trạng chuyển đổi theo phong trào, theo ngắn hạn. Đồng thời, cần thường xuyên đưa ra các cảnh báo sớm về cung - cầu nông sản và rủi ro thị trường; cũng như tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát chuyển đổi làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại địa phương.

Thứ tư, cần có cơ chế, chính sách tạo động lực để các chủ thể cùng tham gia sản xuất tập trung, tạo tích tụ đất và liên kết sản xuất. Theo đó, các chính sách cần thiết kế theo hướng chỉ ưu tiên hỗ trợ mạnh cho vùng sản xuất tập trung và có liên kết (như: đưa ra các gói hỗ trợ khi áp dụng cơ giới hóa, máy gặt, máy sấy; hỗ trợ chứng nhận VietGAP, hữu cơ, mã số vùng trồng đối với nhóm hộ hay hợp tác xã; ưu tiên vay vốn lãi suất thấp cho hộ tham gia liên kết sản xuất; ưu tiên hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp cho vùng nguyên liệu tập trung;...). Ở những khu vực nào đã hình thành vùng sản xuất tập trung, nhà nước ưu tiên đầu tư thêm các hạ tầng hỗ trợ như: cải tạo giao thông nội đồng đủ cho máy móc lớn hoạt động; đầu tư kho lạnh, trạm sấy, trung tâm logistics; xây dựng hệ thống điện, tưới tiêu đồng bộ,....

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa ở vùng ĐBSCL thực chất là quá trình tái cấu trúc toàn diện phương thức sản xuất nông nghiệp. Quá trình này chỉ có thể thành công khi được đặt trong một chiến lược phát triển dài hạn, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, trong đó vai trò “kiến tạo và điều phối” của Nhà nước là quan trọng nhất để tạo ra môi trường giúp các chuỗi vận hành ổn định, từ đó hướng đến mục tiêu cuối cùng là xây dựng một nền nông nghiệp hiệu quả hơn, thích ứng tốt hơn và bền vững hơn.

Ghi chú: Bài viết này là kết quả của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Điều tra khảo sát

việc thực hiện chuyển đổi đất lúa sang đất nông nghiệp khác tại một số địa phương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài Chính. (2025), Báo cáo tổng hợp: Điều chỉnh quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” (tháng 11/2025).
- Bouman, B. A. M., Humphreys, E., Tuong, T. P., & Barker, R. (2007). “Rice and Water”. In D. L. Sparks (Ed.), *Advances in Agronomy* (Vol. 92, pp. 187-237). Academic Press.
- Doanh, L.Q. (2006), Nghiên cứu luận cứ khoa học để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong Báo cáo tổng kết đề tài cấp nhà nước, Mã số KC 07.17.
- Đan, N.H., (2017), Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Luận án Tiến sỹ. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Harjanti, L. T., & Hara, Y. (2020), “The Determinants of Paddy Fields Conversion in Java and Sumatra”. *Journal of Economics & Public Policy*, 3, 39-52.
- Hoa, L.C.M. (2026), “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL: Kinh nghiệm từ tỉnh An Giang”. *Tạp chí Khoa học Cửu Long*, số 41/2026.
- Huang, S., Ghazali, S., Azadi, H., Movahhed, M.S., Viira, A.H., Janečková, K., Sklenička, P., Lopez-Carr, D., Köhl, M., & Kurban, A. (2023), “Contribution of agricultural land conversion to global GHG emissions: A meta-analysis”. *Science of The Total Environment*, 876, 162269.
- Hung, K.N., Raymond, C., Manuel, C., Richard H.M., & Dung, T.K.P. (2019), “Contract Farming in the Mekong Delta’s Rice Supply Chain: Insights from an Agent-Based Modeling Study”. *Journal of Artificial Societies and Social Simulation* 22(3) 1, 2019.
- Huân, T.T.N. (2012), Nghiên cứu phát triển các mô hình luân canh bền vững hợp sinh thái nhằm chuyển đổi cơ cấu 3 vụ lúa ở Hậu Giang. Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh.
- Hương, T.M. (2024), Nghiên cứu những nhân tố ảnh

- hưởng đến tập trung đất nông nghiệp tại vùng đồng bằng sông Hồng. Luận án tiến sỹ ngành kinh tế nông nghiệp.
- Huong, L. (2024) “Tín hiệu lạc quan từ xuất khẩu gạo đầu năm”. Báo điện tử Chính phủ. <https://baohinhphu.vn/tin-hieu-lac-quan-tu-xuat-khau-gao-dau-nam-102240306180137169.htm>
- Koshida, C., & Katayama, N. (2018), “Meta-analysis of the effects of rice-field abandonment on biodiversity in Japan”. *Conservation Biology*, 32, 1392-1402.
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, (2025), Báo cáo kinh tế thường niên DBSCL 2024: Huy động đầu tư cho phát triển bền vững
- Skog, K. L., & Steinnes, M. (2016), “How do centrality, population growth and urban sprawl impact farmland conversion in Norway?”. *Land Use Policy*, 59, 185-196.
- Todaro, M.P. (1982), *Economic development in the third world*, Longman, New York, London.
- Tùng, T., và Trường, M. (2023), *Lợi ích kép khi liên kết trồng đậu nành rau trên đất lúa 3 vụ*. <https://vov.vn/kinh-te/loi-ich-kep-khi-lien-ket-trong-dau-nanh-rau-tren-dat-lua-3-vu-post1053164.vov>
- Tuyen, Q.T., & Huong, V.V. (2021), “The impact of land fragmentation on food security in the North Central Coast, Vietnam”, *Asia & the Pacific Policy Studies*, 8(2), 327-345.
- Tubiello, F. N., Salvatore, M., Rossi, S., Ferrara, A., Fitton, N., & Smith, P. (2013), “The FAOSTAT database of greenhouse gas emissions from agriculture”. *Environmental Research Letters*, 8(1), 015009.
- Tuyen, M.C., Sirisupluxana, P., Bunyasiri, I., Hung, P.X. (2021), “Rice Contract Farming in Vietnam: Insights from a Qualitative Study”. *Eng. Proc.* 2021, 9, 6.
- World Bank. (2022), *Hướng tới chuyển đổi nông nghiệp xanh ở Việt Nam: chuyển sang mô hình lúa gạo carbon thấp*. Báo cáo No: AUS0002201.
- Yuan, W., Liu, S., Liu, W., Zhao, S., Dong, W., Tao, F., et al. (2018), “Opportunistic market-driven regional shifts of crop ping practices reduce food production capacity of China”. *Earth's Future*, 6, 634-642.